Thông tin này được cung cấp để hỗ trợ quí vị hoàn chỉnh hồ sơ xin thị thực tại Việt Nam. Quí vị cũng **phải** đọc thông tin về thường trú ở Úc trên trang web chủ của Bộ Nhập cư và Quốc tịch (DIAC).
**Xem**: <http://www.immi.gov.au/migrants/residents/index.htm>

Thông tin này dành cho những thường trú nhân Úc muốn quay trở về Úc.

Thông tin này **phải** được đọc đồng thời với tờ Thông tin Tổng quát tại Việt Nam để biết thêm chi tiết về việc nộp đơn xin thị thực tại Việt Nam.
**Xem**: <http://www.hcmc.vietnam.embassy.gov.au/files/hchi/Vietnam%20General%20Information%20-%20Vietnamese.%20Final.%20v010312.pdf>

**THỜI GIAN XÉT ĐƠN**: Quí vị có thể đọc tờ Thông tin Tổng quát tại Việt Nam để biết thông tin về thời gian xét đơn trung bình.
**Xem**: <http://www.hcmc.vietnam.embassy.gov.au/files/hchi/Vietnam%20General%20Information%20-%20Vietnamese.%20Final.%20v010312.pdf>

**CÁC GIẤY TỜ CẦN NỘP**: Sau đây là danh sách các giấy tờ cần nộp để hỗ trợ cho một đơn xin thị thực quay trở về cư trú. Danh sách này chỉ qui định những giấy tờ tối thiểu - không phải tất cả. Quí vị có thể nộp thêm bất cứ giấy tờ nào mà quí vị tin rằng sẽ hỗ trợ cho việc xét hồ sơ xin thị thực của quí vị.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đánh dấu vào ô**        | **Các giấy tờ cần nộp**                                                                                                                                                         |
|   | Form 1085 - ***Application for a Resident Return Visa (RRV) or replacement evidence of a RRV*** (Mẫu đơn 1085 – ***Đơn xin thị thực quay trở về cư trú (RRV) hoặc xin thị thực thay thế cho thị thực RRV***) **Xem**: <http://www.immi.gov.au/allforms/booklets/>   |
|   | Hộ chiếu đã ký tên. Hộ chiếu hết hạn hoặc chưa ký thì không được chấp nhận. |
|   | **Những người xin thị thực đã ở Úc ít hơn 730 ngày trong 5 năm vừa qua cần nộp thêm:**  |
|   | Bằng chứng về thường trú hiện tại ở Úc, về thường trú trước đây ở Úc hoặc về quốc tịch Úc trước đây |
|   | Hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại cho thấy tất cả các chuyến đi đến Úc và khởi hành từ Úc trong 5 năm vừa qua |
|   | Bằng chứng của tất cả các thị thực Úc đã có trong 5 năm vừa qua |
|   | Bằng chứng về những ràng buộc đáng kể trong kinh doanh, về văn hóa, việc làm hoặc ràng buộc cá nhân với Úc và có lợi ích cho nước Úc |
|   | Bằng chứng về bất cứ lý do bắt buộc và/hoặc hoàn cảnh cá nhân nên phải vắng mặt ở Úc |
|   | Bằng chứng (nếu có) chứng minh người xin thị thực là thành viên trong gia đình của một người mà người đó đã:* được cấp thị thực diện 155 hoặc 157 và thị thực đó còn giá trị; hoặc
* nộp đơn xin Thị thực quay trở về (Cư trú) (loại BB) cùng đương đơn hoặc tách riêng.
 |
|   | **Những người xin thị thực đã đi khỏi Úc mà không có thị thực thường trú hoặc thị thực quay trở về cư trú còn giá trị, cần nộp thêm:**  |
|   | Chi tiết về ngày đi và phương tiện mà quí vị đã sử dụng để đi khỏi Úc lần gần đây nhất (số hiệu chuyến bay và/hoặc tàu thủy đã sử dụng). Xin lưu ý rằng sẽ mất thêm thời gian để hoàn tất việc kiểm tra với Úc đối với các chuyến đi khỏi Úc hơn 20 năm về trước. |

**ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN**: Quí vị nên tham khảo mục Permanent residency in Australia (Thường trú ở Úc) trên trang web chủ của DIAC để biết thêm thông tin về xin Thị thực quay trở về cư trú.